TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-PT
Ngày: 27-3- 2019
V/v Tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên.

Ông Võ Công Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 300/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Trọng H1; cư trú tại: Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Đỗ Trọng H; cư trú tại: Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Trọng H: Bà Trần Thị L; cư trú tại tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018). Có mặt.

2. Bà Đỗ Thị Thùy D; cư trú tại: Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

3. Bà Đỗ Thị C; cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Đỗ Thị C: Bà Đỗ Thị Thùy D; cư trú tại Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị L; cư trú tại: Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

2. Anh Đỗ Thanh C; cư trú tại: Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3. Chị Đỗ Thị Q; cư trú tại: Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

4. Ông Đỗ Đường Đ; cư trú tại: Số nhà đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

5. Ông Đỗ Trọng L; cư trú tại: Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

6. Ông Đỗ Trọng P; cư trú tại: Số nhà đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

7. Bà Đỗ Thị H; cư trú tại: Số nhà đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

8. Bà Đỗ Thị H1; cư trú tại: Số nhà đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

9. Bà Đỗ Thị H2; cư trú tại: Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

10. Anh Đỗ Quốc C; cư trú tại: Thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Trọng L; ông Đỗ Trọng P; bà Đỗ Thị H, bà Trần Thị L; anh Đỗ Thanh C; chị Đỗ Thị Q, anh Đỗ Quốc C: Anh Đỗ Trọng H1, cư trú tại Tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2018, 04/9/2018, 30/8/2018, 20/9/2018). Có mặt.

11. Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Q.

Trụ sở tại: Số đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Q: Ông Phan Khắc D; địa chỉ số đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 04/GUQ ngày 07/9/2018). Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Đỗ Thị Thùy D và ông Đỗ Trọng H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Trọng H1 trình bày:

Ông Đỗ Trọng T chết năm 2003, bà Bùi Thị T chết năm 2015, đều không để lại di chúc. Ông T, bà T có 10 người con: Đỗ Thị C, Đỗ Thị Thùy D, Đỗ Trọng H, Đỗ Trọng L, Đỗ Trọng P, Đỗ Thị H, Đỗ Trọng H1, Đỗ Đường Đ, Đỗ Thị H1, Đỗ Thị H2. Hộ gia đình ông T được nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất với tổng diện tích là 5.295,6m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 01145 QSDĐ/261/QĐUB ngày 24/3/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Q. Hộ gia đình ông T có 10 nhân khẩu gồm: Đỗ Trọng T, Bùi Thị T, Đỗ Thị Thùy D, Đỗ Trọng H, Đỗ Quốc C, Đỗ Trọng H1, Trần Thị L (vợ của ông), Đỗ Thanh C, Đỗ Thị Q, Đỗ Trọng L. Năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Q đã thu hồi 02 thửa đất số 85 và 159, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại tổ, khu vực, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định và bồi thường, hỗ trợ 525.433.720 đồng. Ông yêu cầu chia tài sản chung và thừa kế theo pháp luật di sản của ông T, bà T.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn ông Đỗ Trọng H và người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị L, trình bày:

Thống nhất về quan hệ huyết thống trong gia đình cũng như các thửa đất bị thu hồi của hộ gia đình ông T như Đỗ Trọng H1 trình bày. Tại thời điểm ngày 01/01/1993, nhà nước chốt nhân hộ khẩu theo hộ gia đình để giao quyền sử dụng đất nông nghiệp, hộ gia đình ông T có 12 nhân khẩu: Ông T, bà T và 10 người con của ông T, bà T. Cho nên, ông, bà không đồng ý với cách chia tài sản chung của Đỗ Trọng H1. Ông, bà yêu cầu chia tài sản chung số tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất 525.433.720 đồng cho 12 nhân khẩu và chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông T, bà T cho 10 người con.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn bà Đỗ Thị C và người đại diện hợp pháp của bà C đồng thời cũng là bị đơn trong vụ án là bà Đỗ Thị Thùy D, trình bày:

Thống nhất như lời khai trên của ông Đỗ Trọng H và người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị L.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trọng L, ông Đỗ Đường Đ, bà Đỗ Thị H1, bà Đỗ Thị H2 đồng trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng H1, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L; anh Đỗ Thanh C; chị Đỗ Thị Q; ông Đỗ Trọng L; ông Đỗ Trọng P; bà Đỗ Thị H; anh Đỗ Quốc C do ông Đỗ Trọng H1 đại diện trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trọng H1, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Q là ông Phan Khắc Duy, trình bày:

Thực hiện Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 04-02-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và ban hành Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch công trình khu dân cư khu vực, phường N, thành phố Q, ngày 08/9/2016 Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án đã xác lập biên bản kiểm kê đối với hộ gia đình ông Đỗ Trọng T (chết), đại diện kê khai là ông Đỗ Trọng H1 và ông Đỗ Trọng H, cụ thể: Tổng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là 2.268,3m^2, tại thửa đất số 85 và thửa đất số 159, tờ bản đồ số 42.

Ngày 10/01/2017 Ủy ban nhân dân thành phố Q phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 70/QĐ-UBND với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Đỗ Trọng T là 525.433.720 đồng.

Ngày 23/01/2017 Ủy ban nhân dân thành phố Q ban hành các Quyết định số 492/QĐ-UBND và số 493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Đỗ Trọng T (chết), đại diện kê khai là ông Đỗ Trọng H1, để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư KV, phường N, thành phố Q (đợt 1 năm 2016).

Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Q đã phối hợp với Ủy ban nhân dân phường N nhiều lần mời các thành viên trong hộ gia đình ông T cử người ủy quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng họ không có sự thống nhất. Sau khi có quyết định của Tòa án, Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Q sẽ lập thủ tục chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ 525.433.720 đồng cho hộ gia đình ông T đúng theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 300/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, quyết định:

Đỗ Trọng H1; Đỗ Trọng H mỗi người nhận 63.590.245 đồng.

Ông Lương; bà D mỗi người nhận 61.520.245 đồng.

Bà L; anh C; chị Q; anh C mỗi người nhận 53.164.372 đồng.

Bà C; ông P; bà H; ông Đ; bà H; bà H1 mỗi người nhận 10.425.873 đồng.

Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Q có nghĩa vụ chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ 525.433.720 đồng theo quyết định nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26/11/2018, bà D kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản đúng pháp luật để anh em trong gia đình hưởng quyền lợi như nhau.

Ngày 27/11/2018, ông H kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản đúng pháp luật để anh em trong gia đình hưởng quyền lợi như nhau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà D và ông H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà D, Đỗ Trọng H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản theo đúng pháp luật để anh em trong gia đình được hưởng quyền lợi như nhau. Thấy rằng:

[1.1] Quyền sử dụng 02 thửa đất số 85 và 159, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại tổ, KV, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng cho hộ ông Đỗ Trọng T có 10 nhân khẩu gồm: Ông T, bà T, bà D, Đỗ Trọng H, anh C, Đỗ Trọng H1, bà Lệ, anh C, chị Q, ông L (Theo Biểu điều tra thống kê lao động – nhân khẩu của thôn Tây Định (đội 1) đến ngày 01/01/1993 hộ gia đình ông Tuyển có 12 nhân khẩu, nhưng bà H3 cắt khẩu theo chồng, Nguyễn Hải L cắt theo bà H, đến oh ngày 15/3/1193 chốt nhân khẩu cân đối giao quyền sử dụng đất). Do đó, những người được giao đất được giao đất nói trên được quyền sử dụng đất. Năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Q đã thu hồi 02 thửa đất số 85 và 159, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại tổ, KV, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định và bồi thường về đất 510.943.720 đồng đây là sản chung của hộ ông T và 14.490.000 đồng tiền hỗ trợ cho những đang sử dụng đất gồm 07 người.

[1.2] Án sơ thẩm đã chia tài sản chung 510.943.720 đồng tiền bồi thường về quyền sử dụng cho 10 người (Ông T, bà T, bà D, Đỗ Trọng H, anh Cường, Đỗ Trọng H1, bà Lệ, anh C, chị Q, ông L) mỗi người được nhận 51.094.372 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[1.3] Án sơ thẩm đã chia tài sản chung 14.490.000 đồng tiền hỗ trợ cho những đang sử dụng đất cho 07 người (Bà T, Đỗ Trọng H, anh C, Đỗ Trọng H1, bà Lệ, anh C, chị Q) mỗi người được nhận 2.070.000 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[1.4] Ông là Đỗ Trọng T chết năm 2003, bà Bùi Thị T chết năm 2015, đều không để lại di chúc. Án sơ thẩm đã chia thừa kế theo pháp luật phần tài sản của ông T, bà T cho 10 người con của ông T, bà T mỗi người được nhận 5.780.931 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[1.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, Đỗ Trọng H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bà D, Đỗ Trọng H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà D, Đỗ Trọng H giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 102, Điều 212, 219, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Thùy D và ông Đỗ Trọng H giữ nguyên bản án sơ.

1. Ông Đỗ Trọng H1; ông Đỗ Trọng H mỗi người được nhận 63.590.245 đồng (sáu mươi ba triệu năm trăm chín chục nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng).

2. Ông Đỗ Trọng L; bà Đỗ Thị Thùy D mỗi người được nhận 61.520.245 đồng (sáu mươi mốt triệu năm trăm hai chục nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng).

3. Bà Trần Thị L (vợ ông Đỗ Trọng H1); anh Đỗ Thanh C; chị Đỗ Thị Q; anh Đỗ Quốc C mỗi người được nhận 53.164.372 đồng (năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng).

4. Bà Đỗ Thị C; ông Đỗ Trọng P; bà Đỗ Thị H; ông Đỗ Đường Đ; bà Đỗ Thị H1; bà Đỗ Thị H2 mỗi người được nhận 10.425.873 đồng (mười triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng).

5. Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Q có nghĩa vụ chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ 525.433.720 đồng theo quyết định nêu trên.

6. Về án phí:

6.1. Đỗ Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000660 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, bà Duyên đã nộp xong.

6.2. Ông ông Đỗ Trọng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000659 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, Đỗ Trọng H đã nộp xong.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường